

**ĐẠI HỌC HUẾ  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT**



**HỒ VĂN MỪNG**

**HÒA GIẢI Ở CƠ SỞ CÁC TRANH CHẤP MÔI TRƯỜNG  
THEO PHÁP LUẬT VIỆT NAM, QUA THỰC TIỄN  
TẠI THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**Chuyên ngành: Luật Kinh tế**

**Mã số: 838 0107**

**TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC**

**THỪA THIÊN HUẾ - NĂM 2020**



## MỤC LỤC

<b>MỞ ĐẦU .....</b>	<b>1</b>
1. Tính cấp thiết của đề tài .....	1
2. Tình hình nghiên cứu .....	3
3. Mục đích, nhiệm vụ, đối tượng và phạm vi nghiên cứu .....	6
4. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu.....	8
5. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của Luận văn.....	9
6. Nội dung Luận văn.....	9
<b>Chương 1. MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN PHÁP LUẬT VỀ HÒA GIẢI Ở CƠ SỞ CÁC TRANH CHẤP MÔI TRƯỜNG.....</b>	<b>9</b>
1.1. Khái quát vấn đề hòa giải ở cơ sở các tranh chấp môi trường.....	9
1.1.1. Khái niệm hòa giải ở cơ sở.....	9
1.1.2. Khái niệm tranh chấp môi trường .....	10
1.1.3. Ý nghĩa hoạt động hòa giải ở cơ sở các tranh chấp môi trường .....	10
1.2. Khái quát pháp luật về hòa giải ở cơ sở các tranh chấp môi trường.....	10
1.2.1. Khái niệm pháp luật về hòa giải ở cơ sở các tranh chấp môi trường.....	10
1.2.2. Vai trò điều chỉnh của pháp luật đối với hoạt động hòa giải ở cơ sở các tranh chấp môi trường .....	11
1.2.3. Nội dung pháp luật về hòa giải ở cơ sở các tranh chấp môi trường .....	11
<b>Chương 2. THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT VỀ HÒA GIẢI Ở CƠ SỞ CÁC TRANH CHẤP MÔI TRƯỜNG VÀ THỰC TIỄN THỰC HIỆN TẠI THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG .....</b>	<b>11</b>
2.1. Thực trạng pháp luật về hòa giải ở cơ sở các tranh chấp môi trường.....	11
2.1.1. Các quy định của pháp luật về nguyên tắc và phạm vi hòa giải ở cơ sở ..	11
2.1.2. Quy định về chủ thể tham gia hòa giải ở cơ sở các tranh chấp môi trường .....	12
2.1.3. Quy định về trình tự, thủ tục hòa giải ở cơ sở các tranh chấp môi trường	12
2.1.4. Trách nhiệm quản lý nhà nước về hòa giải ở cơ sở các tranh chấp môi trường .....	13
2.2. Thực tiễn thực hiện pháp luật về hòa giải ở cơ sở các tranh chấp môi trường tại thành phố Đà Nẵng.....	13

2.2.1. Những kết quả đạt được và những khó khăn, vướng mắc trong việc thực hiện pháp luật về hòa giải ở cơ sở tại thành phố Đà Nẵng.....	13
2.2.2. Nguyên nhân gây ra các hạn chế, vướng mắc trong quá trình thực hiện pháp luật về hòa giải ở cơ sở các tranh chấp môi trường trên thực tế .....	13
<b>Chương 3. ĐỊNH HƯỚNG, GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VÀ NÂNG CAO HIỆU QUẢ THỰC HIỆN PHÁP LUẬT VỀ HÒA GIẢI Ở CƠ SỞ CÁC TRANH CHẤP MÔI TRƯỜNG TẠI VIỆT NAM.....</b>	<b>15</b>
3.1. Định hướng hoàn thiện pháp luật về hòa giải ở cơ sở các tranh chấp môi trường .....	15
3.2. Các giải pháp hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật về hòa giải ở cơ sở các tranh chấp môi trường.....	15
3.2.1. Các giải pháp hoàn thiện pháp luật về hòa giải ở cơ sở các tranh chấp môi trường .....	15
3.2.2. Các giải pháp nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật về hòa giải ở cơ sở các tranh chấp môi trường .....	15
Kết luận chương 3. ....	16
<b>KẾT LUẬN .....</b>	<b>17</b>
<b>TÀI LIỆU THAM KHẢO</b>	

## MỞ ĐẦU

### 1. Tính cấp thiết của đề tài

Xã hội loài người ngày càng phát triển, đáp ứng ngày một hiệu quả hơn yêu cầu của con người về một cuộc sống đầy đủ, tiện nghi hơn. Giá trị của tài nguyên thiên nhiên là hữu hạn, trong khi đó nhu cầu của con người đang có chiều hướng tăng lên nhanh chóng, nhất là trong xu thế dân số toàn cầu đang tăng nhanh khiến tốc độ khai thác, sử dụng giá trị môi sinh diễn ra với tần suất dày đặc hơn. Trong bối cảnh này, các cá nhân, tổ chức trong xã hội có xu hướng chiếm dụng, dành về phần mình nhiều quyền lợi hơn trong khai thác, sử dụng, hưởng thụ giá trị tài nguyên thiên nhiên để đáp ứng các nhu cầu về lợi ích kinh tế trước khi các giá trị này trở nên cạn kiệt. Rõ ràng, quyền khai thác, sử dụng tài nguyên thiên nhiên trong một chừng mực hợp lý được ghi nhận là quyền bình đẳng của mọi công dân trong xã hội, việc thực hiện hành vi chiếm dụng phần nhiều lợi ích từ tài nguyên môi sinh đặt vào những tình huống cụ thể sẽ gây ra phương hại đến lợi ích cho các cá nhân, tổ chức khác, không chỉ vậy, còn đe dọa đến chức năng, tính hữu ích vốn có mà các thành phần môi sinh mang lại. Hệ quả tất yếu khi xu hướng này diễn ra chính là các xung đột, mâu thuẫn không thể điều hòa giữa các chủ thể liên quan đến quyền sử dụng, khai thác chung các thành phần môi trường, được tiếp cận thống nhất là các tranh chấp môi trường. Có thể nói đây là dạng tranh chấp mang tính phức tạp khi có sự rộng lớn về quy mô ảnh hưởng (cả về chủ thể bị tác động lẫn diện tích môi sinh bị đe dọa) dẫn đến những khó khăn nhất định trong quá trình giải quyết, khắc phục tình trạng diễn biến tiêu cực của môi trường sinh thái. Với tốc độ phát triển hiện nay, trong bối cảnh toàn cầu hóa diễn ra mạnh mẽ tạo điều kiện thuận lợi cho các hoạt động đầu tư kinh doanh, các tranh chấp môi trường được dự báo sẽ tiếp tục tăng trong thời gian đến về tần suất diễn ra cũng như tính nguy hại tiềm ẩn khi ÔNMT, STMT xảy ra.

Nhằm tạo lập một môi trường đầu tư ổn định, an toàn và hiệu quả, yêu cầu giải quyết nhanh chóng, kịp thời các xung đột, mâu thuẫn trong lĩnh vực môi trường trở thành một yếu tố mang tính tất yếu, khách quan. Điều này đặc biệt có ý nghĩa khi TCMT là một dạng tranh chấp “vừa lạ, lại vừa quen”. TCMT mang trong mình các đặc thù của các dạng tranh chấp trong các lĩnh vực khác, tuy nhiên chính tính chất lây lan, tác động lẫn nhau của các thành phần môi trường khiến

loại tranh chấp này trở nên khác biệt so với tranh chấp trong các lĩnh vực khác. Tính chất phức tạp trong giải quyết TCMT, đặc biệt là hậu quả khi xảy ra buộc các cơ chế giải quyết tranh chấp phải thể hiện rõ tính linh hoạt, hướng đến giải quyết kịp thời các vấn đề then chốt bao gồm: i) Hạn chế đến mức thấp nhất các tác động tiêu cực đến môi trường sinh thái và ii) Tạo cơ chế tối đa hóa trong bảo vệ quyền lợi về môi trường của cộng đồng dân cư được pháp luật bảo vệ. Với vai trò là cơ quan tài phán, xác lập trật tự quản lý nhà nước trong các quan hệ xã hội nói chung, việc giải quyết tranh chấp bằng Tòa án từ lâu đã được tiếp cận như phương thức tất yếu trong điều hòa, giải quyết mâu thuẫn về lợi ích giữa các bên. Tuy nhiên, cũng như các loại tranh chấp khác, việc giải quyết tranh chấp bằng Tòa án chưa bao giờ là cơ chế được ưu tiên lựa chọn để điều hòa mâu thuẫn giữa các bên, nói đúng hơn đây là cơ chế cuối cùng khi tất cả các nỗ lực giải quyết bằng các phương pháp nhẹ nhàng, hòa hoãn hơn đã tỏ ra bất lực. Thay vào đó, các phương pháp thương lượng hay hòa giải với chủ thể tham gia giải quyết tranh chấp chính là các bên đang nảy sinh xung đột. Giải quyết tốt tranh chấp bằng con đường hòa giải không chỉ có ý nghĩa trong đơn giản hóa xung đột trong khai thác, sử dụng các thành phần môi trường của các bên tranh chấp mà còn đóng vai trò quan trọng trong gìn giữ mối quan hệ tốt đẹp của các bên. Nói đơn giản, sử dụng phương pháp hòa giải trong giải quyết TCMT giúp cho hoạt động điều hòa xung đột lợi ích giữa các bên vừa có lý, vừa có tình. Nổi bật lên như một phương pháp đơn giản, hiệu quả trong giải quyết TCMT, góp phần gìn giữ mối quan hệ tốt đẹp giữa các chủ thể phát sinh tranh chấp, phương pháp hòa giải tại cơ sở, nơi địa bàn phát sinh tranh chấp trở thành một mô hình nền tảng trong công cuộc bảo vệ hiệu quả các lợi ích công và lợi ích tư khi các hệ lụy tiêu cực từ môi trường xảy ra.

Đà Nẵng được biết đến như một địa phương có tốc độ phát triển kinh tế - xã hội nhanh chóng với những kết quả đáng ghi nhận về mọi mặt đời sống xã hội. Tuy vậy, cơ chế phát triển nhanh chóng nền kinh tế - xã hội vốn dựa trên nền tảng là giá trị môi sinh khiến cho vấn đề ÔNMT trong những năm gần đây trở thành điểm nóng của thành phố. Hàng loạt các diễn biến tiêu cực đến môi trường lần lượt xảy ra như tình trạng ô nhiễm nguồn đất, nguồn nước ở mức độ đáng báo động, tình trạng khó khăn trong xử lý rác thải đô thị, rác thải tại các bãi biển, khu du lịch... đe dọa nghiêm trọng đến trạng thái cân bằng của môi sinh cũng như đời sống của

người dân.<sup>1</sup> Hệ quả là hàng loạt các xung đột giữa các chủ thể trong cộng đồng với các nhà đầu tư (các chủ thể chủ yếu gây ra tác động tiêu cực đến môi trường sinh thái) đã diễn ra. Thực trạng này đòi hỏi phải có cơ chế giải quyết nhanh chóng các xung đột về môi trường, vừa đảm bảo được quyền lợi cho người dân, vừa hạn chế đến mức thấp nhất các rào cản trong quá trình phát triển, tăng trưởng kinh tế. Với số lượng lớn các chủ thể tham gia tranh chấp, phương pháp hòa giải nói chung, hòa giải tại cơ sở nói riêng nếu được vận dụng và thực hiện hiệu quả sẽ cùng lúc giải quyết tốt “bài toán” cân bằng lợi ích giữa phát triển kinh tế, bảo đảm công bằng xã hội và bảo vệ môi trường.

Chính vì các lí do trên, với mong muốn thực hiện một công trình nghiên cứu có giá trị khoa học cả về mặt lý luận lẫn góc độ thực tiễn, tôi chọn đề tài “*Hòa giải ở cơ sở các tranh chấp môi trường theo pháp luật Việt Nam, qua thực tiễn tại thành phố Đà Nẵng*” làm đề tài Luận văn Thạc sĩ. Đề tài là công trình nghiên cứu có giá trị tham khảo đối với các nhà nghiên cứu và những ai quan tâm đến vấn đề này.

## **2. Tình hình nghiên cứu**

Xuất phát từ vị trí, vai trò của hoạt động hòa giải nói chung đối với hiệu quả giải quyết các vụ việc TCMT nên từ lâu đây đã là vấn đề đặt ra, được các nhà khoa học, các nhà nghiên cứu quan tâm đề cập. Các công trình liên quan đến vấn đề này đã được công bố có thể kể đến như:

+ Bài viết “*Giải quyết tranh chấp môi trường thông qua hòa giải: Áp dụng thử nghiệm ở Đà Nẵng*” của nhóm tác giả Dương Thị Phương Anh, Nguyễn Trung Thắng, Hoàng Hồng Hạnh, Hoàng Thị Hiền, Viện Chiến lược, Chính sách TN&MT, đăng trên Tạp chí Môi trường số 6/2017. Bằng việc nhìn nhận về tầm quan trọng, ý nghĩa của hoạt động hòa giải TCMT đối với lợi ích của xã hội, lợi ích của từng cá thể trong cộng đồng, nhóm tác giả đã tập trung làm rõ các vấn đề cơ bản về quy trình hòa giải TCMT. Thông qua việc tiếp cận thực tiễn thi hành hoạt động giải quyết TCMT thông qua con đường hòa giải tại khu vực Hồ Rái (thôn Phước Thuận, xã Hòa Nhơn, huyện Hòa Vang, TP. Đà Nẵng), bài viết đã cung cấp góc nhìn đánh giá khách quan về những kết quả đạt được và cả những hạn chế còn tồn tại của hoạt động này khi áp dụng vào thực tiễn đời sống. Trên cơ sở này, các tác giả đưa ra những giải pháp nhằm khắc phục các hạn chế pháp

---

<sup>1</sup> Hồ Xuân Mai, Đà Nẵng: “Nóng” vấn đề môi trường tại phiên đối thoại với cử tri, <https://viettimes.vn/da-nang-nong-van-de-moi-truong-tai-phiien-doi-toai-voi-cu-tri-353298.html>

lý còn tồn tại, đồng thời là các giải pháp nâng cao hiệu quả thực thi mô hình hòa giải TCMT trên thực tế.

+ Bài viết trong khuôn khổ Hội thảo “Đôi thoại chính sách về giải quyết tranh chấp môi trường ở Việt Nam” được đăng trên Diễn đàn Doanh nghiệp với nội dung “*Giải quyết tranh chấp môi trường: Mức độ chỉ sau tranh chấp đất đai*”<sup>2</sup> Bài viết tuy không đề cập trực tiếp đến phương thức hòa giải TCMT, qua đó cung cấp một định hướng tiếp cận thống nhất về mô hình này nhưng thông qua nội dung bài viết, tác giả đã làm rõ quan điểm về tính cấp thiết trong ưu tiên sử dụng các phương thức tự giải quyết (thương lượng, hòa giải) khi xảy ra các TCMT đặt trong bối cảnh hiện nay, khi hệ thống Tòa án về môi trường tại Việt Nam chưa tồn tại. Xuất phát từ bản chất của TCMT, loại tranh chấp này không thể đồng nhất với tranh chấp trong các lĩnh vực khác để áp dụng cơ chế giải quyết như các vụ tranh chấp dân sự thông thường. Tính chất khuếch tán của các thành phần môi trường khiến yêu cầu cấp bách về việc xây dựng Tòa án môi trường nên được tiến hành nghiên cứu, thành lập. Tác giả cũng nhận định rõ, cho dù việc tồn tại hệ thống Tòa án môi trường, hiệu quả trong giải quyết TCMT vẫn cần tập trung đánh giá và tiến hành bằng cơ chế tự giải quyết với nhau. Thông qua cơ chế này, không cần thiết đến biện pháp cưỡng chế nặng nề theo thủ tục Tố tụng Tòa án, các chủ thể đã tự giải quyết được xung đột với nhau.

+ *Tài liệu hướng dẫn về giải quyết tranh chấp môi trường thông qua hòa giải* do Viện Chiến lược, Chính sách Tài nguyên và Môi trường (Iponre) hợp tác với Quỹ Châu Á (The Asia Foundation) ban hành năm 2015. Tài liệu gồm 4 chương, tập trung giải quyết các vấn đề về phương thức hòa giải trong giải quyết TCMT như làm rõ mục đích, đối tượng, phạm vi áp dụng: nêu rõ mục đích, đối tượng và phạm vi áp dụng của Tài liệu hướng dẫn; giới thiệu về giải quyết TCMT thông qua hòa giải: đưa ra cơ sở lý luận chung về giải quyết TCMT thông qua hòa giải; đưa ra quy trình giải quyết TCMT thông qua hòa giải: đi sâu hướng dẫn chi tiết từng bước thực hiện giải quyết TCMT thông qua hòa giải; đánh giá việc thực hiện giải quyết tranh chấp thông qua hòa giải: hướng dẫn việc đánh giá những kết quả đạt được, những tồn tại, bất cập trên cơ sở đó đưa ra những khuyến nghị cho lần giải quyết tranh chấp tiếp theo. Bằng các ví dụ thực tiễn và phân tích dữ liệu

---

<sup>2</sup> Công Xuân, *Giải quyết tranh chấp môi trường: Mức độ chỉ sau tranh chấp đất đai*, <https://enternews.vn/giai-quyet-tranh-chap-moi-truong-muc-do-chi-sau-tranh-chap-dat-dai-23751.html>



cụ thể của các vụ việc tranh chấp về môi trường, tài liệu cung cấp cho người đọc kiến thức cần thiết trong giải quyết các TCMT thông qua hòa giải. Có thể nói Tài liệu là công trình nghiên cứu có giá trị về mặt lý luận và thực tiễn đối với công tác giải quyết TCMT thông qua hòa giải. Thông qua các tiếp cận thống nhất về góc độ lý luận, làm tiền đề củng cố cho các vấn đề thực tiễn được tiếp xúc, cung cấp góc nhìn khoa học đối với các nhà nghiên cứu, các chủ thể trực tiếp thực hiện nhiệm vụ hòa giải TCMT để áp dụng giải quyết hiệu quả.

+ Luận văn Thạc sĩ Luật học, Khoa Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội với đề tài “*Hòa giải trong giải quyết tranh chấp đất đai*” do tác giả Nguyễn Thị Thảo hoàn thành năm 2015 với những tiếp cận về quy trình giải quyết tranh chấp đất đai bằng mô hình hòa giải. Thay vì tiếp cận mô hình hòa giải trong giải quyết TCMT nói chung để đề ra các định hướng tiếp cận và nâng cao hiệu quả áp dụng mô hình này chung cho tranh chấp trong lĩnh vực môi trường, tác giả lựa chọn đối tượng để áp dụng phương thức hòa giải chính là các tranh chấp trong lĩnh vực đất đai, loại tranh chấp có tần suất bắt gặp rất cao trong đời sống. Với vai trò là một thành phần môi trường quan trọng, có ý nghĩa trong cân bằng thế ổn định của diễn thế sinh thái, cung cấp hạ tầng, điều kiện cần và đủ để diễn ra hoạt động sống, phát triển của con người và sinh vật, thông qua mô hình hòa giải đối với tranh chấp đất đai, có thể tiếp cận những vấn đề cơ bản cần xác định khi áp dụng mô hình hòa giải trong giải quyết TCMT nói chung.

Đối với hoạt động hòa giải tại cơ sở các tranh chấp nói chung, hiện nay đã trở thành đối tượng nghiên cứu của các công trình tiêu biểu như:

+ Luận văn Thạc sĩ Luật học “*Hòa giải ở cơ sở (qua thực tiễn tỉnh Hải Dương)*”, Khoa luật Đại học Quốc gia Hà Nội do tác giả Đặng Thị Lan Phương thực hiện năm 2015 đã tiếp cận các vấn đề từ lý luận đến thực tiễn thi hành liên quan đến hoạt động hòa giải tại cơ sở. Với bản chất là hoạt động tích cực, giải quyết đồng thời, nhanh chóng, hiệu quả các tranh chấp nảy sinh giữa các chủ thể, đồng thời góp phần gìn giữ mối quan hệ tốt đẹp giữa các bên tranh chấp, giảm thiểu đáng kể áp lực giải quyết tranh chấp theo các thủ tục tố tụng phức tạp cho cơ quan nhà nước, trên cơ sở phân tích các quy định của Luật HGCS năm 2013 và các văn bản pháp luật có liên quan, tác giả công trình đã tiến hành đánh giá thực trạng pháp luật và thực tiễn thi hành pháp luật về hoạt động này trên thực tế, làm tiền đề vững chắc để thiết lập các giải pháp hoàn thiện pháp luật cũng như

các giải pháp nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật trên thực tế, tạo cơ sở vững chắc để hoạt động hòa giải tại cơ sở từng bước đi vào nhận thức của các bên tranh chấp, trở thành công cụ ưu tiên được lựa chọn khi giải quyết các nảy sinh về quyền và lợi ích hợp pháp giữa các chủ thể trong xã hội.

+ Tài liệu bồi dưỡng “Nghịệp vụ hòa giải cơ sở” do tác giả Phạm Văn Tĩnh, Phòng PBGDPL Sở Tư pháp tỉnh Bắc Giang thực hiện năm 2020 với những tiếp cận logic liên quan đến hoạt động HGCS. Với việc xác định đối tượng tiếp nhận là cán bộ phụ trách thực hiện HGCS, tài liệu tiếp cận từ những vấn đề cơ bản nhất như khái niệm hòa giải, hòa giải tại cơ sở, vị trí, vai trò của hoạt động này trong giải quyết các tranh chấp. Trải qua quá trình tiếp xúc thực tiễn, từ kinh nghiệm cá nhân, tác giả cung cấp trình tự, cách thức tiến hành buổi hòa giải tại cơ sở điển hình, trên cơ sở đó phân tích những ưu, nhược điểm khi đưa pháp luật vào thực tiễn để đưa ra các định hướng, giải pháp nhằm tăng cường hiệu quả thi hành hoạt động này. Tài liệu hướng đến nâng cao nhận thức, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ hòa giải viên tại cơ sở để tăng cường tính thuyết phục các chủ thể tranh chấp lựa chọn mô hình này.

Như vậy, có thể thấy mô hình hòa giải các TCMT nói chung, hòa giải tại cơ sở các tranh chấp trong lĩnh vực này nói riêng đã trở thành đối tượng nghiên cứu của các công trình khoa học có giá trị. Tuy vậy, đại bộ phận các công trình nghiên cứu tính đến thời điểm hiện tại mới chỉ dừng lại ở các Tài liệu hướng dẫn chuyên môn (được đúc kết từ các vấn đề thực tiễn thi hành pháp luật về hòa giải các loại tranh chấp nói chung, điển hình là các tranh chấp dân sự) hay các bài viết trên các Tạp chí, trang thông tin điện tử, trong khi đó TCMT với bản chất là loại tranh chấp đặc thù, ảnh hưởng đồng loạt đến số lượng lớn các chủ thể lại chưa được nhìn nhận đúng mức và tiến hành nghiên cứu hoạt động hòa giải tại cơ sở đối với các tranh chấp này. Với đề tài đã chọn, tác giả tiếp thu các thành quả mà các công trình nghiên cứu về lĩnh vực này đã đạt được, đồng thời kế thừa và phát huy các nghiên cứu mang tính cá nhân nhằm cung cấp góc nhìn tổng quan về hoạt động hòa giải tại cơ sở các TCMT cũng như khả năng áp dụng, tính hiệu quả khi áp dụng mô hình này vào thực tiễn.

### **3. Mục đích, nhiệm vụ, đối tượng và phạm vi nghiên cứu**

#### ***3.1. Mục đích nghiên cứu***

Nghiên cứu các quy định của pháp luật về HGCS các TCMT, thông qua việc

phân tích các chế định pháp lý cũng như thực tiễn thi hành các quy định của pháp luật về vấn đề này vào thực tiễn, nhìn nhận khách quan về hiệu quả điều chỉnh bằng pháp luật. Trên cơ sở đó, đề xuất các giải pháp hoàn thiện pháp luật và các giải pháp nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật về HGCS các TCMT trên thực tế.

### **3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu**

Để đạt được những mục đích quan trọng đã đặt ra, Luận văn cần thực hiện những nhiệm vụ cụ thể sau:

*Một là*, nghiên cứu một cách sâu rộng, chặt chẽ và toàn diện hoạt động giải quyết TCMT bằng con đường HGCS cũng như hệ thống pháp luật điều chỉnh về vấn đề này. Từ đó có những đánh giá ban đầu về vấn đề điều chỉnh bằng pháp luật đối với yêu cầu giải quyết nhanh chóng các xung đột trong quan hệ môi trường, bảo vệ giá trị môi sinh, bảo đảm các quyền và lợi ích hợp pháp của các chủ thể trong xã hội được pháp luật bảo vệ.

*Hai là*, nghiên cứu một cách khách quan, trung thực, phản ánh số liệu một cách chính xác nhằm cung cấp một cái nhìn tổng thể và toàn diện về hiệu quả thực thi pháp luật điều chỉnh về hoạt động giải quyết TCMT bằng hòa giải tại cơ sở trên thực tiễn địa bàn thành phố Đà Nẵng. Đây là cơ hội nhìn nhận những vấn đề còn tồn tại, tìm hãm hiệu quả thi hành pháp luật về giải quyết TCMT thông qua mô hình hòa giải trong thực tiễn.

*Ba là*, từ những khó khăn, vướng mắc cụ thể đã được phân tích, đưa ra các giải pháp thiết thực và hợp lý nhằm hoàn thiện hệ thống pháp luật và nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật HGCS các TCMT trên thực tế, đáp ứng yêu cầu nhanh chóng, kịp thời giải quyết các TCMT nảy sinh, tạo điều kiện đảm bảo thực hiện thành công mục tiêu phát triển bền vững đặt ra.

### **3.3. Đối tượng nghiên cứu**

Luận văn hướng đến nghiên cứu các đối tượng cụ thể sau:

- + Một số vấn đề lý luận HGCS các TCMT và pháp luật về HGCS các TCMT.
- + Quy định của pháp luật hiện hành về hoạt động HGCS các TCMT và thực tiễn áp dụng trong nỗ lực giải quyết vấn đề đáng báo động về tình trạng ÔNMT;
- + Các báo cáo, các vụ việc TCMT điển hình được giải quyết thông qua phương thức HGCS.

### **3.4. Phạm vi nghiên cứu**

*Về pháp luật:* Luận văn được tiến hành trên cơ sở tiếp cận nội dung, tinh thần

được ghi nhận trong Luật BVMT năm 2014, BLDS năm 2015, BLTTDS năm 2015, Luật Đất đai năm 2013, Luật Tài nguyên nước năm 2012, Luật HGCS năm 2013 và các văn bản liên quan cùng điều chỉnh đến vấn đề giải quyết TCMT thông qua mô hình hòa giải như Nghị định số 03/2015/NĐ-CP do Chính phủ ban hành ngày 06/01/2015 Quy định về xác định thiệt hại đối với môi trường...

*Thời gian nghiên cứu:* Nghiên cứu, thu thập, phân tích các số liệu về hoạt động HGCS các TCMT trong thời gian từ năm 2015 đến tháng 12/2019.

*Không gian nghiên cứu:* Nghiên cứu hoạt động HGCS các TCMT trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

#### **4. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu**

##### **4.1. Phương pháp luận**

Luận văn được trình bày trên cơ sở lý luận của chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và quan điểm, chủ trương, đường lối chỉ đạo của Đảng, của Nhà nước.

##### **4.2. Phương pháp nghiên cứu**

Luận văn chủ yếu sử dụng phương pháp phân tích nhằm mục đích làm sáng tỏ những quy định của pháp luật cũng như vấn đề áp dụng pháp luật về HGCS các TCMT vào thực tiễn. Bên cạnh đó, đáp ứng yêu cầu phân tích một cách hiệu quả, Luận văn còn sử dụng các phương pháp khác như đối chiếu, so sánh, thống kê và tổng hợp để đạt được mục đích đề ra. Cụ thể:

+ *Phương pháp so sánh, đối chiếu:* Được sử dụng để đối chiếu trước nhất tính hợp hiến, hợp pháp của văn bản quy phạm pháp luật điều chỉnh về vấn đề HGCS các TCMT. Bên cạnh đó, việc phân tích, làm rõ các nội dung, tinh thần được ghi nhận thông qua các quy phạm pháp luật là tiền đề để đánh giá tính phù hợp, thống nhất với các văn bản khác có liên quan cũng như tính thực thi của nó trên thực tế.

+ *Phương pháp thống kê:* Đây là công cụ hỗ trợ đắc lực cho quá trình thu thập, xử lý các số liệu thực tiễn về hiệu quả thực thi hoạt động HGCS các TCMT. Sử dụng phương pháp này giúp mang lại một bức tranh toàn cảnh về nỗ lực bảo vệ các quyền lợi hợp pháp cho các chủ thể khi tham gia vào quá trình khai thác, sử dụng các thành phần môi trường trong bối cảnh các tác động tiêu cực đến môi trường sinh thái liên tục diễn ra cả về tần suất và mức độ nguy hại.

+ *Phương pháp tổng hợp:* Dựa trên những kết quả đã thu thập được, tiến hành tổng hợp, đánh giá, nhận xét các thông tin để đưa ra những đánh giá khách

quan nhất cũng như các giải pháp mang tính thực tế để nâng cao hiệu quả thực thi hoạt động HGCS các TCMT trên thực tiễn.

Để đạt được mục đích nghiên cứu, Luận văn sử dụng phối hợp, nhuần nhuyễn các phương pháp nêu trên, trong đó lấy phương pháp phân tích làm yếu tố chủ đạo.

## **5. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của Luận văn**

### **5.1. Ý nghĩa khoa học**

Luận văn là một công trình nghiên cứu khoa học về vấn đề HGCS các TCMT thông qua việc đánh giá hiệu quả thực thi pháp luật về quản lý nhà nước đối với hoạt động này. Luận văn đóng góp những kiến thức lý luận có giá trị đối với những nhà nghiên cứu quan tâm đến vấn đề này.

### **5.2. Ý nghĩa thực tiễn**

Luận văn đưa ra các kiến nghị, đề xuất nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động HGCS các TCMT dựa trên sự bám sát thực tiễn. Những kiến nghị được đề xuất không mang tính chung chung, khái quát mà có tính ứng dụng, mang tính khả thi trên thực tế để thực sự nâng cao hiệu quả của hoạt động này, hướng đến sự hoàn thiện pháp luật nói chung, pháp luật về giải quyết TCMT nói riêng.

## **6. Nội dung Luận văn**

Ngoài phần mở đầu, phần kết luận, bộ cục chính của đề tài bao gồm 3 chương:

Chương 1. Một số vấn đề lý luận pháp luật về hòa giải ở cơ sở các tranh chấp môi trường.

Chương 2. Thực trạng pháp luật Việt Nam về hòa giải ở cơ sở các tranh chấp môi trường và thực tiễn thực hiện tại thành phố Đà Nẵng.

Chương 3. Định hướng giải pháp hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật về HGCS các tranh chấp môi trường tại Việt Nam.

## **Chương 1**

### **MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN PHÁP LUẬT VỀ HÒA GIẢI Ở CƠ SỞ CÁC TRANH CHẤP MÔI TRƯỜNG**

#### **1.1. Khái quát vấn đề hòa giải ở cơ sở các tranh chấp môi trường**

##### **1.1.1. Khái niệm hòa giải ở cơ sở**

Từ các nhìn nhận này, một cách khái quát có thể định nghĩa về hòa giải là

“Hòa giải là một quá trình giải quyết những bất đồng, tranh chấp giữa các bên, quá trình đó có sự tham gia của bên thứ ba với vai trò trung lập, giúp các bên đạt được sự thỏa thuận phù hợp với quy định của pháp luật, đạo đức xã hội và tự nguyện thực hiện những thỏa thuận đó.”

### **1.1.2. Khái niệm tranh chấp môi trường**

TCMT được định nghĩa là các tranh chấp về quyền, trách nhiệm bảo vệ môi trường trong khai thác, sử dụng thành phần môi trường; tranh chấp về xác định nguyên nhân gây ô nhiễm, suy thoái, sự cố môi trường; tranh chấp về trách nhiệm xử lý, khắc phục hậu quả, bồi thường thiệt hại do ô nhiễm, suy thoái, sự cố môi trường phát sinh giữa các tổ chức, cá nhân sử dụng thành phần môi trường có tranh chấp với nhau; các tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng các thành phần môi trường và tổ chức, cá nhân có trách nhiệm cải tạo, phục hồi khu vực môi trường bị ô nhiễm, suy thoái, bồi thường thiệt hại về môi trường, được thực hiện theo quy định của pháp luật về giải quyết tranh chấp dân sự ngoài hợp đồng và quy định của pháp luật có liên quan.

HGCS các TCMT là một giai đoạn trong quá trình điều hòa các xung đột, mâu thuẫn liên quan đến quyền được sống trong môi trường trong lành của các cá nhân, tổ chức, các doanh nghiệp trong quá trình sử dụng chung các tính năng của thành phần môi trường, được tiến hành tại địa bàn phát sinh tranh chấp trên cơ sở các chế định pháp lý về HGCS và pháp luật có liên quan.

### **1.1.3. Ý nghĩa hoạt động hòa giải ở cơ sở các tranh chấp môi trường**

**Thứ nhất**, góp phần giải quyết nhanh chóng, hiệu quả các vi phạm, xung đột, mâu thuẫn trong quan hệ pháp luật về BVMT.

**Thứ hai**, góp phần khôi phục, duy trì, củng cố sự đoàn kết trong nội bộ nhân dân, góp phần quan trọng trong gìn giữ trật tự, an toàn xã hội.

**Thứ ba**, góp phần nâng cao nhận thức, ý thức chấp hành pháp luật của nhân dân.

**Thứ tư**, bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng của các cá nhân, tổ chức trong cộng đồng.

## **1.2. Khái quát pháp luật về hòa giải ở cơ sở các tranh chấp môi trường**

### **1.2.1. Khái niệm pháp luật về hòa giải ở cơ sở các tranh chấp môi trường**

Pháp luật HGCS các TCMT là hệ thống các quy phạm pháp luật, các nguyên tắc pháp lý điều chỉnh quan hệ xã hội phát sinh trong quá trình giải quyết, điều

*hòa các mâu thuẫn liên quan đến quá trình khai thác, sử dụng các thành phần môi trường trong hoạt động sinh hoạt, sản xuất, kinh doanh, được nhà nước ban hành hoặc thừa nhận và đảm bảo cơ chế thực thi nhằm hướng đến tạo lập tính cân bằng lợi ích giữa khai thác giá trị tài nguyên và đảm bảo quyền được sống trong môi trường trong lành của cộng đồng dân cư.*

### ***1.2.2. Vai trò điều chỉnh của pháp luật đối với hoạt động hòa giải ở cơ sở các tranh chấp môi trường***

Pháp luật HGCS được thiết lập mà cụ thể là Luật HGCS năm 2013 ra đời cùng các văn bản hướng dẫn thi hành và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan là bước tiến quan trọng để công tác HGCS các tranh chấp, xung đột nói chung, các TCMT nói riêng tiếp tục được phát triển và phát huy đúng bản chất, vai trò của mình trong đời sống xã hội, một mặt tạo cơ sở pháp lý đầy đủ và thống nhất cho tổ chức và hoạt động của tổ hòa giải, mặt khác tăng cường sự đoàn kết, giúp đỡ lẫn nhau trong cộng đồng dân cư, góp phần gìn giữ trật tự, kỷ cương xã hội, tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa, phát huy quyền làm chủ của nhân dân.

#### ***1.2.3. Nội dung pháp luật về hòa giải ở cơ sở các tranh chấp môi trường***

***Thứ nhất***, xác định về nguyên tắc, phạm vi HGCS các TCMT.

***Thứ hai***, xác định về chủ thể tham gia hoạt động HGCS các TCMT.

***Thứ ba***, quy định trình tự, cách thức tiến hành hoạt động HGCS các TCMT.

***Thứ tư***, quy định về quản lý nhà nước hoạt động HGCS các TCMT.

## **Chương 2**

### **THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT VỀ HÒA GIẢI Ở CƠ SỞ CÁC TRANH CHẤP MÔI TRƯỜNG VÀ THỰC TIỄN THỰC HIỆN TẠI THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

#### **2.1. Thực trạng pháp luật về hòa giải ở cơ sở các tranh chấp môi trường**

##### ***2.1.1. Các quy định của pháp luật về nguyên tắc và phạm vi hòa giải ở cơ sở***

Pháp luật HGCS nói chung đã thiết lập hệ thống các nguyên tắc mang tính

chỉ đạo, định hướng trong công tác tổ chức và hoạt động HGCS. Theo đó, hoạt động HGCS phải đáp ứng *các nguyên tắc cơ bản* sau: i) Tôn trọng sự tự nguyện của các bên; không bắt buộc, áp đặt các bên trong HGCS; ii) Bảo đảm phù hợp với chính sách, pháp luật của Nhà nước, đạo đức xã hội, phong tục, tập quán tốt đẹp của nhân dân; phát huy tinh thần đoàn kết, tương trợ, giúp đỡ lẫn nhau giữa các thành viên trong gia đình, dòng họ và cộng đồng dân cư; quan tâm đến quyền, lợi ích hợp pháp của trẻ em, phụ nữ, người khuyết tật và người cao tuổi; iii) Khách quan, công bằng, kịp thời, có lý, có tình; giữ bí mật thông tin đời tư của các bên, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác; iv) Tôn trọng ý chí, quyền và lợi ích hợp pháp của các bên, quyền và lợi ích hợp pháp của người khác; không xâm phạm lợi ích của Nhà nước, lợi ích công cộng; v) Bảo đảm bình đẳng giới trong tổ chức và hoạt động HGCS; vi) Không lợi dụng HGCS để ngăn cản các bên liên quan bảo vệ quyền lợi của mình theo quy định của pháp luật hoặc trốn tránh việc xử lý vi phạm hành chính, xử lý về hình sự. Các nguyên tắc này được phối hợp, vận dụng linh hoạt sẽ tạo ra hiệu quả chung khi tiến hành hoạt động HGCS.

### ***2.1.2. Quy định về chủ thể tham gia hòa giải ở cơ sở các tranh chấp môi trường***

Theo quy định của Luật HGCS năm 2013 các chủ thể tham gia vào hoạt động HGCS các tranh chấp nói chung, TCMT nói riêng bao gồm: i) Các bên tranh chấp (các cá nhân, tổ chức nảy sinh vấn đề xung đột về quyền và lợi ích hợp pháp trong quá trình dùng chung thành phần môi trường); ii) Chủ thể tham gia giải quyết tranh chấp tại cơ sở (với vai trò là Tổ hòa giải, hòa giải viên Tổ hòa giải) và iii) Các chủ thể khác trong cộng đồng dân cư (có ý nghĩa nhất định trong đảm bảo hiệu quả giải quyết tranh chấp, tăng cường tuyên truyền, giáo dục ý thức tuân thủ pháp luật cho cộng đồng xã hội).

### ***2.1.3. Quy định về trình tự, thủ tục hòa giải ở cơ sở các tranh chấp môi trường***

Theo quy định của pháp luật HGCS năm 2013, hoạt động HGCS không đương nhiên được tiến hành mà buộc phải có một trong các căn cứ gồm: i) Một bên hoặc các bên yêu cầu hòa giải; ii) Hòa giải viên chứng kiến hoặc biết vụ, việc thuộc phạm vi hòa giải; iii) Theo phân công của tổ trưởng tổ hòa giải hoặc đề nghị của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

Về trình tự, thủ tục tiến hành HGCS, dù Pháp lệnh năm 1998 về tổ chức và



hoạt động HGCS và cả Luật HGCS năm 2013 đều không quy định cụ thể ở một điều luật nào nhưng kết hợp các ghi nhận pháp lý có thể khái quát trình tự, thủ tục tiến hành HGCS các tranh chấp với các bước cơ bản như sau:<sup>3</sup>

*Bước 1.* Có căn cứ làm phát sinh hoạt động hòa giải luật định.

*Bước 2.* Tiến hành phân công chủ thể trực tiếp thực hiện nhiệm vụ hòa giải là hòa giải viên trong các tổ HGCS

*Bước 3.* Tiến hành hòa giải.

*Bước 4.* Kết quả hòa giải và định hướng thực hiện kết quả hòa giải.

#### ***2.1.4. Trách nhiệm quản lý nhà nước về hòa giải ở cơ sở các tranh chấp môi trường***

i) Ở Trung ương, Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về HGCS.

ii) Ở địa phương, UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, UBND huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (sau đây gọi chung là cấp huyện) trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm thực hiện quản lý nhà nước về HGCS tại địa phương;

#### **2.2. Thực tiễn thực hiện pháp luật về hòa giải ở cơ sở các tranh chấp môi trường tại thành phố Đà Nẵng**

##### ***2.2.1. Những kết quả đạt được và những khó khăn, vướng mắc trong việc thực hiện pháp luật về hòa giải ở cơ sở tại thành phố Đà Nẵng***

*Thứ nhất*, thực tiễn thực hiện pháp luật về nguyên tắc, phạm vi HGCS các TCMT.

*Thứ hai*, thực tiễn thực hiện pháp luật về chủ thể tham gia HGCS các TCMT.

*Thứ ba*, thực tiễn thực hiện pháp luật về trình tự, thủ tục tiến hành HGCS các TCMT.

*Thứ tư*, thực tiễn thực hiện pháp luật về quản lý nhà nước về HGCS các TCMT.

##### ***2.2.2. Nguyên nhân gây ra các hạn chế, vướng mắc trong quá trình thực hiện pháp luật về hòa giải ở cơ sở các tranh chấp môi trường trên thực tế***

Các hạn chế, khó khăn trong quá trình thi hành pháp luật về HGCS các TCMT trên địa bàn thành phố Đà Nẵng có thể được lí giải thông qua những lí do cơ bản sau:

*Thứ nhất*, sự thiếu hoàn thiện từ hệ thống pháp luật về HGCS các TCMT.

*Thứ hai*, sự hạn chế về nhận thức, năng lực, trình độ trong quản lý, hoạt

---

<sup>3</sup> Điều 20-27 Luật HGCS 2013.

động của các chủ thể có liên quan trong hoạt động HGCS các TCMT.

***Thứ ba***, xuất phát từ bản chất của HGCS và yêu cầu về giải quyết TCMT.

### Chương 3

## **ĐỊNH HƯỚNG, GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VÀ NÂNG CAO HIỆU QUẢ THỰC HIỆN PHÁP LUẬT VỀ HÒA GIẢI Ở CƠ SỞ CÁC TRANH CHẤP MÔI TRƯỜNG TẠI VIỆT NAM**

### **3.1. Định hướng hoàn thiện pháp luật về hòa giải ở cơ sở các tranh chấp môi trường**

Xuất phát từ những khó khăn, vướng mắc trong thực tiễn thi hành các quy định về HGCS các TCMT, pháp luật về chế định này trong tương lai rõ ràng cần có những thay đổi cơ bản về thể chế, chính sách và các điều kiện hỗ trợ cần thiết cho hoạt động HGCS các TCMT thực sự phát huy được tính hiệu quả, triển khai, vận dụng mang tính khả thi vào thực tiễn đời sống. Xu hướng hoàn thiện pháp luật về HGCS các TCMT cần được tiến hành trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu sau:

*Thứ nhất*, tạo cơ chế thúc đẩy hoạt động HGCS các TCMT được tổ chức thực hiện nghiêm túc, cụ thể và thiết thực; đảm bảo triển khai đồng bộ, hiệu quả, tránh lãng phí, phù hợp với điều kiện thực tiễn đời sống.

*Thứ hai*, thúc đẩy vai trò, trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức có liên quan trong việc triển khai thực hiện công tác HGCS.

*Thứ ba*, tận dụng tinh thần tương thân, tương ái của cộng đồng người Việt Nam thông qua quá trình giải quyết TCMT bằng HGCS.

### **3.2. Các giải pháp hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật về hòa giải ở cơ sở các tranh chấp môi trường**

#### **3.2.1. Các giải pháp hoàn thiện pháp luật về hòa giải ở cơ sở các tranh chấp môi trường**

*Thứ nhất*, hoàn thiện các quy định của pháp luật HGCS các tranh chấp, xung đột nói chung trong cộng đồng xã hội.

*Thứ hai*, hoàn thiện các quy định của pháp luật BVMT trong HGCS các TCMT.

#### **3.2.2. Các giải pháp nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật về hòa giải ở cơ sở các tranh chấp môi trường**

*Thứ nhất*, tranh thủ sự quan tâm, chỉ đạo thường xuyên, kịp thời của cấp ủy Đảng, chính quyền các cấp.

*Thứ hai*, tăng cường hiệu quả quản lý nhà nước về HGCS các TCMT.

**Thứ ba**, nâng cao nhận thức của cộng đồng dân cư về vai trò của HGCS các TCMT đối với đời sống xã hội; nâng cao năng lực, trình độ chuyên môn cho hòa giải viên trực tiếp thực hiện nhiệm vụ.

### **Kết luận chương 3.**

Trên cơ sở các vấn đề thực tiễn được trình bày tại Chương 2, tập trung vào các nguyên nhân cốt lõi gây nên những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thi hành pháp luật về HGCS các TCMT trên thực tế, tại Chương 3, tác giả đã thiết lập các định hướng hoàn thiện pháp luật về HGCS các TCMT cùng với các giải pháp thực tế, tạo lập nền tảng pháp lý vững chắc để áp dụng có hiệu quả vào thực tiễn đời sống trong bối cảnh các TCMT đang ngày càng có xu hướng gia tăng. Bên cạnh các cơ chế hoàn thiện pháp luật, tác giả cũng đã đề xuất các giải pháp, kiến nghị nhằm nâng cao hiệu quả thi hành pháp luật về HGCS các TCMT, tập trung giải quyết các vấn đề liên quan đến trình độ quản lý nhà nước của cơ quan công quyền, nhận thức của cộng đồng dân cư và năng lực trong HGCS các TCMT của các chủ thể có thẩm quyền. Các giải pháp này được đề xuất, kiến nghị thực thi trong tính liên kết, chặt chẽ với nhau giúp đảm bảo việc vận dụng linh hoạt, đạt hiệu quả trong HGCS các TCMT trong thực tiễn đời sống.

## KẾT LUẬN

Xuất phát từ những nhìn nhận cơ bản về yêu cầu nhanh chóng, kịp thời trong điều hòa các TCMT phát sinh cùng với vị trí, vai trò mà công tác HGCS các tranh chấp, với đề tài đã chọn, tác giả đã giải quyết được các vấn đề cốt lõi sau:

**Thứ nhất**, làm rõ được các vấn đề lý luận cơ bản về HGCS các TCMT. Từ các tiếp cận cụ thể đối với khái niệm, bản chất, đặc trưng của hoạt động HGCS các TCMT, tác giả đã tiến hành tìm hiểu các cơ chế pháp lý quy định về hoạt động này dưới góc độ quan điểm lý luận để trước nhất nắm bắt về khái niệm, đối tượng điều chỉnh, vai trò, nội dung điều chỉnh của pháp luật về HGCS các TCMT. Đây là các tiếp cận quan trọng, làm tiền đề cho những tiếp cận về quá trình hóa giải các xung đột, mâu thuẫn của các chủ thể khi tham gia vào quan hệ pháp luật về BVMT.

**Thứ hai**, làm rõ được thực trạng pháp luật về HGCS các TCMT và thực tiễn thi hành chế định này vào đời sống. Trên cơ sở tìm hiểu, phân tích, đánh giá các quy định của pháp luật về HGCS các TCMT, tác giả tiến hành đánh giá tính hiệu quả của các quy định của pháp luật. Các kết quả thu nhận được qua quá trình tiếp xúc thực tế về hoạt động HGCS các TCMT làm củng cố thêm các nhìn nhận, đánh giá được đưa ra. Thực tiễn thi hành pháp luật về HGCS các TCMT trên địa bàn thành phố Đà Nẵng đã làm nổi bật các kết quả tích cực đáng ghi nhận và cả những hạn chế, vướng mắc trong quá trình áp dụng pháp luật vào thực tế. Đây cũng là những vấn đề chung mà công tác HGCS các TCMT ở Việt Nam đang đối mặt.

**Thứ ba**, đề xuất các giải pháp hoàn thiện pháp luật về HGCS các TCMT và nâng cao hiệu quả thi hành pháp luật trên thực tiễn. Các giải pháp pháp lý hướng đến hoàn thiện, sửa đổi, bổ sung cho hợp lý chế định pháp lý về HGCS các TCMT cũng như giải quyết các vấn đề về năng lực quản lý nhà nước, năng lực thực hiện HGCS và nhận thức của cộng đồng trong hoạt động này nếu được vận dụng hiệu quả sẽ hoàn toàn phát huy được vai trò, ý nghĩa mà HGCS mang lại, góp phần thực hiện yêu cầu phát triển bền vững mang tính nền tảng của quan hệ pháp luật BVMT.



## TÀI LIỆU THAM KHẢO

### 1. Các văn bản quy phạm pháp luật

[1] Hiến pháp năm 1992.

[2] Hiến pháp năm 2013.

[3] Bộ luật Lao động năm 2012.

[4] Bộ luật Dân sự năm 2015.

[6] Luật Thương mại năm 2005.

[7] Luật Tài nguyên nước năm 2012.

[8] Luật Đất đai năm 2013.

[9] Luật Hòa giải ở cơ sở năm 2013.

[10] Luật Bảo vệ môi trường năm 2014.

[11] Nghị định số 160/1999/NĐ-CP ngày 18/10/1999 Quy định chi tiết một số điều của Pháp lệnh về tổ chức và hoạt động hòa giải ở cơ sở.

[12] Nghị định số 15/2014/NĐ-CP ngày 27/02/2014 Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hòa giải ở cơ sở

[13] Pháp lệnh về tổ chức và hoạt động hòa giải ở cơ sở năm 1998.

[14] Thông tư liên tịch số 100/2014/TTLT-BTC-BTP ngày 30/7/2014 của Bộ Tài chính và Bộ Tư pháp quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác hòa giải ở cơ sở

[15] Quyết định số 149/2003/QĐ-UBND ngày 29/10/2013 Ban hành Quy định về tổ chức và hoạt động của Tổ hòa giải ở cơ sở trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

[16] Nghị quyết số 82/2014/NQ-HĐND ngày 11/12/2014 về việc quy định mức chi đảm bảo công tác hòa giải ở cơ sở trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

[17] Kế hoạch số 7538/KH-UBND ngày 7/01/2019 về việc kiểm tra công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, hòa giải ở cơ sở và xây dựng xã phường đạt chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2019 trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

[18] Kế hoạch số 703/KH-UBND ngày 30/01/2018 về việc triển khai thực hiện pháp luật hòa giải ở cơ sở năm 2018 trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

[19] Kế hoạch số 619/KH-UBND ngày 30/01/2019 về việc triển khai thực hiện công tác hòa giải ở cơ sở năm 2019 trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

## 2. Các bài viết, công trình nghiên cứu

[20] Dương Thị Phương Anh, Nguyễn Trung Thắng, Hoàng Hồng Hạnh, Hoàng Thị Hiền, Tạp chí Môi trường số 6/2017, *Giải quyết tranh chấp môi trường thông qua hòa giải: Áp dụng thử nghiệm ở Đà Nẵng*

[21] Đặng Thị Lan Phương (2015), Luận văn Thạc sĩ Luật học, Khoa luật Đại học Quốc gia Hà Nội, *Hòa giải ở cơ sở (qua thực tiễn tỉnh Hải Dương)*.

[22] Nguyễn Thị Thảo (2015), Luận văn Thạc sĩ Luật học, Khoa Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội, *Hòa giải trong giải quyết tranh chấp đất đai*.

[23] Nhà xuất bản Tư pháp, Nhà xuất bản Từ điển Bách khoa và Viện nghiên cứu Khoa học pháp lý – Bộ Tư pháp (2006), Từ điển Luật học.

[24] Trường Đại học Luật Hà Nội, Giáo trình Luật môi trường, Nxb Công an nhân dân, 2014.

[25] Viện Chiến lược, Chính sách Tài nguyên và Môi trường (Iponre), Quỹ Châu Á (The Asia Foundation), *Tài liệu hướng dẫn về giải quyết tranh chấp môi trường thông qua hòa giải*, 2015

[26] American Arbitration Association, <https://www.adr.org/Mediation>

[27] Centre For Mediation & Dispute Resolution, <https://www.bostonmediation.com/>

[28] Collins Dictionary, <https://www.collinsdictionary.com/dictionary/english/conflict>

[29] ILO Glossary of Statistical Terms, <https://www.ilo.org/ilostat-files/Documents/Statistical%20Glossary.pdf>

[30] The People's Mediation Law of the People's Republic of China (2010).

## 3. Tài liệu tham khảo trên trang thông tin điện tử

[31] Bộ Tư pháp, *05 năm thi hành Luật hòa giải ở cơ sở - thực trạng và giải pháp* <https://pbgdpl.moj.gov.vn/qt/tintuc/Pages/Hoa-Giai-Co-So.aspx?ItemID=104>

[32] Công Xuân, *Giải quyết tranh chấp môi trường: Mức độ chỉ sau tranh chấp đất đai*, <https://enternews.vn/giai-quyet-tranh-chap-moi-truong-muc-do-chi-sau-tranh-chap-dat-dai-23751.html>

[33] Dân Hùng, *Đà Nẵng: Chú trọng công tác hòa giải từ cơ sở*, <https://www.danang.gov.vn/chinh-quyen/chi-tiet?id=11023&c=42058>



[34] Hồ Xuân Mai, Đà Nẵng: “Nóng” vấn đề môi trường tại phiên đối thoại với cử tri, <https://viettimes.vn/da-nang-nong-van-de-moi-truong-tai-phiien-doi-thoai-voi-cu-tri-353298.html>

[35] Công Tâm, Kiểm tra công tác phổ biến giáo dục pháp luật, hòa giải ở cơ sở và xây dựng xã phường đạt chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2019, <https://www.danang.gov.vn/chinh-quyen/chi-tiet?id=37116& c=9>